

Số: **624/2026/QĐST-HNGĐ**

Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/5/2026.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý **133/2025/TLST-HNGĐ** ngày 30/07/2025 về việc “*Xin ly hôn*” giữa:

1. Nguyên đơn: - Bà **Lê Thị T**, sinh năm: 1978;

Nơi cư trú: Căn hộ B, Tòa B, TLN0, phường Đ, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền để giải quyết tài sản chung: Ông **Nguyễn Văn N** – Luật sư Công ty L.

2. Bị đơn: - Ông **Đỗ Minh K**, sinh năm: 1977;

Nơi cư trú: Căn hộ B, Tòa B, TLN0, phường Đ, Hà Nội.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung vì bà và ông K đã đã tự thỏa thuận xong theo các Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân công chứng số

472/2026/CCGD, số 473/2026/CCGD, số 474/2026/CCGD ngày 23 tháng 04 năm 2026 của văn phòng C – thành phố Hà Nội, các văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng số 2476/2026/CCGD, số 2477/2026/CCGD, 2478/2026/CCGD, số 2479/2026/CCGD, số 2480/2026/CCGD ngày 23 tháng 04 năm 2026 của Văn phòng C1 – Tỉnh Thanh Hóa, còn đối với cổ phần tại Tổng Công ty T2 – Công Ty cổ phần và Phần vốn góp tại Công ty TNHH X bà T cho rằng bà không liên quan đến các hoạt động kinh doanh của ông K nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, gồm các tài sản sau :

STT	Thửa đất số / Lô	Địa chỉ	Diện tích
1	186	Lô số 186MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa đã được Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx	109,05m ²
2	187	Lô số 187MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa đã được Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx	105,72m ²
3	188	Lô số 188MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx	102,4m ²
4	189	Lô số 189MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx	99,1m ²
5	163	Lô số 163 MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx	93,36m ²
6	26	16TM2-14, KĐT Nam Vành Đai 3, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số DM xxxxxx	75,0m ²
7	NO1-B2107	Khu nhà ở Viglacera Thăng Long NO1, căn B2107, Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CK xxxxxx	121,4m ²
8	A27	A27-BTSL3, ô số 1, KĐT mới 2 bên đường Lê Trọng Tấn, Xã An Khánh, HĐ, Hà Nội đã	289,0m ²

		được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số DM XXXXXX	
9	-	03 (ba) chiếc xe ô tô: - Lexus: 30KXXXXXX; - LandCruiser: 30KXXXXXX; - LandCruiser: 30KXXXXXX	
10	43.500 cổ phần tại Tổng Công ty Thành Trung – Công Ty cổ phần		
11	Phần vốn góp tại Công ty TNHH Xây dựng Thành An Phú Yên		

Xét, yêu cầu của bà Lê Thị T là tự nguyện, không trái với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ khi lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị T và ông Đỗ Minh K.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Về con chung: Bà T và ông K có 04 (Bốn) con chung:

- Chị **Đỗ Thị Trà M**- Sinh ngày: 12/10/2003
- Cháu **Đỗ Thùy T1**- Sinh ngày: 20/8/2008
- Cháu **Đỗ Quang M1**- Sinh ngày 01/08/2016
- Cháu **Đỗ Quang H** - Sinh ngày 12/04/2018

Chị Đỗ Thị Trà M đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi ly hôn bà T và ông K thỏa thuận : Bà T trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con chung là: Đỗ Thùy T1, Đỗ Quang M1, Đỗ Quang H

Về cấp dưỡng: Bà T và ông K thỏa thuận ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) /tháng để nuôi con kể từ tháng 4/2026 đến khi các con chung đủ 18 tuổi tròn hoặc khi có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung

2. Về tài sản chung, nhà ở và các khoản nợ chung:

2.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với yêu cầu chia các tài sản sau:

STT	Thửa đất số / Lô	Địa chỉ	Diện tích
1	186	Lô số 186MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa đã được Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx	109,05m ²
2	187	Lô số 187MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa đã được Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx	105,72m ²
3	188	Lô số 188MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx	102,4m ²
4	189	Lô số 189MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx	99,1m ²
5	163	Lô số 163 MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx	93,36m ²
6	26	16TM2-14, KĐT Nam Vành Đai 3, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số DM xxxxxx	75,0m ²
7	NO1-B2107	Khu nhà ở Viglacera Thăng Long NO1, căn B2107, Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CK xxxxxx	121,4m ²
8	A27	A27-BTSL3, ô số 1, KĐT mới 2 bên đường Lê Trọng Tấn, Xã An Khánh, HĐ, Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số DM xxxxxx	289,0m ²
9	-	03 (ba) chiếc xe ô tô: - Lexus: 30KXXXXXX; - LandCruiser: 30KXXXXXX; - LandCruiser: 30KXXXXXX	
10	43.500 cổ phần tại Tổng Công ty Thành Trung – Công Ty cổ phần		
11	Phần vốn góp tại Công ty TNHH Xây dựng Thành An Phú Yên		

2.2. Bà Lê Thị T và ông Đỗ Minh K thỏa thuận như sau: Trong thời kỳ hôn nhân bà T và ông K tạo dựng được những tài sản chung gồm :

STT	Thửa đất số / Lô	Địa chỉ	Diện tích
1	164	Lô số 164MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx, trị giá 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng	93,36m ²
2	165	Lô số 165MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx, trị giá 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng	93,36m ²
3	166	Lô số 166MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx, trị giá 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng	95,0m ²
4	167	Lô số 167MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx, trị giá 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng	95,0m ²
5	168	Lô số 168MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx, trị giá 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng	95,0m ²
6	169	Lô số 169MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx, trị giá 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng	95,0m ²
7	00	Lô 34 NO2, KĐT Đông Bắc Ga, P. Đông Thọ, TP Thanh Hóa đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BA xxxxxx, trị giá 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng	103,4m ²

Tổng trị giá tài sản là 8.000.000.000 (Tám tỷ) đồng, chia đôi (50/50), kỷ phần mỗi người được hưởng 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng.

Bà Lê Thị T và ông Đỗ Minh K thỏa thuận tài sản chung sau khi ly hôn như sau :

+) Tặng cho cháu Đỗ Thùy T1 nhà đất tại : Lô C NO2, KĐT Đ, P. Đ, TP T đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BA xxxxxx trị giá 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng.

+) Tặng cho cháu Đỗ Quang M1 03 thửa đất gồm : Lô số 164MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Q, TP T đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx ; Lô S, P. Q, TP T đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx ; Lô S, P. Q, TP T đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx, trị giá 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng.

+) Tặng cho cháu Đỗ Quang H 03 thửa đất gồm : Lô số 167MBQH2424/UNND-QL-DT, P. Q, TP T đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx ; Lô S, P. Q, TP T đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx ; Lô S, P. Q, TP T đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CA xxxxxx, trị giá 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng.

Toàn bộ nhà đất trên giao cho bà Lê Thị T quản lý và khai thác khi các con chung chưa thành niên.

Khi mỗi con chung đủ 18 tuổi tròn, ông K, bà T sẽ làm thủ tục sang tên chúc bạ cho từng con. Cụ thể :

+ Sang tên chúc bạ cho cháu **Đỗ Thùy T1** – sinh ngày 20/8/2008, sau ngày 20/8/2026

+ Sang tên chúc bạ cho cháu **Đỗ Quang M1** - Sinh ngày 01/08/2016, sau ngày 01/08/2034

+ Sang tên chúc bạ cho cháu **Đỗ Quang H** - Sinh ngày 12/04/2018, sau ngày 12/4/2036

Trường hợp đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi tròn mà ông K hoặc bà T không tự nguyện làm thủ tục sang tên chúc bạ cho các cháu Đỗ Thùy T1, Đỗ Quang M1, Đỗ Quang H thì cháu T1, cháu M1, cháu H (đã đủ 18 tuổi tròn) có quyền tự liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sang tên theo quy định của pháp luật

Các bên không thỏa thuận gì khác.

3. Về án phí:

3.1. Bà Lê Thị T tự nguyện chịu cả lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận bà T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số xxxxxxxx ngày 28/07/2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội. Nay chuyển thành án phí.

3.2. Bà Lê Thị T và ông Đỗ Minh K mỗi người phải nộp 56.000.000 (Năm mươi sáu) triệu đồng án phí LHST về việc chia tài sản chung. Xác nhận bà T đã nộp 54.500.000 (Năm mươi tư triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số xxxxxxxx ngày 07/11/2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà

Nội. Nay chuyển thành án phí. Bà T còn phải nộp 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 – Hà Nội;
- UBND phường nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đặng Quỳnh C